

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TÀI CHÍNH-VINACOMIN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

ThS. PHÍ THỊ KIM THƯ, ThS. DƯƠNG THỊ NHÀN
Trường Đại học Mở-Địa chất

1. Tổng quan

Tập đoàn kinh tế (TĐKT) là một nhóm công ty có quy mô lớn gồm các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ với nhau về lợi ích, thị trường, vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và được liên kết bằng nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là hình thức công ty mẹ-công ty con xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình TĐKT, thường có một "công ty mẹ" nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của "công ty con" về tài chính và chiến lược phát triển.

Để tăng cường tiềm lực kinh tế, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các TĐKT trên thế giới có xu hướng thành lập các công ty tài chính thuộc tập đoàn, nhằm mục đích kinh doanh các dịch vụ tài chính (DVTC), giúp tập đoàn tìm kiếm khơi thông nguồn vốn trong nước, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, quản lý một cách tối ưu các nguồn vốn đầu tư, hạn chế thấp nhất việc thất thoát vốn. Ở Việt Nam, từ khi Nghị định 79/2002/ NĐ-CP có hiệu lực, các công ty Tài chính thuộc các TĐKT liên tiếp được thành lập. Tính đến năm 2013, cả nước đã có 18 công ty tài chính, trong đó có 13 công ty trực thuộc các TĐKT, hoạt động theo hình thức công ty cổ phần hoặc công ty TNHH MTV [5]. Công ty Tài chính thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam cũng ra đời trong bối cảnh này, với tên gọi là Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF).

Công ty được thành lập ngày 30/01/2007 theo giấy phép số 02/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thời gian hoạt động là 50 năm, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000958 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 15/02/2007, thay đổi đăng ký lần thứ 3 vào ngày 07/04 /2009 [7]. Về tính chất, theo Nghị định 79/2002/ NĐ-CP, Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản là tổ chức tín dụng phi ngân

hàng, được thực hiện một số nghiệp vụ của ngân hàng thương mại như được sử dụng vốn tự có, vốn huy động và các nguồn vốn khác để cho vay, đầu tư; cung ứng các dịch vụ tư vấn về tài chính, tiền tệ và một số dịch vụ khác nhưng không được làm dịch vụ thanh toán hay nhận tiền gửi kỳ hạn dưới 1 năm [1]. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định, đã làm tốt chức năng thu xếp vốn trong Tập đoàn và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên trước bối cảnh khó khăn hiện nay của nền kinh tế và chủ trương hạn chế TĐKT đầu tư ngoài ngành của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, BĐS cũng làm nảy sinh một số vấn đề đối với hoạt động cung cấp DVTC của Công ty.

2. Kết quả đạt được trong việc cung cấp DVTC

Công ty TNHH MTV Tài chính Than-Khoáng sản Việt Nam (CMF) được thành lập với số vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, tại thời điểm mới hoạt động năm 2007 đã tài trợ vốn cho các đơn vị thành viên TKV sản xuất kinh doanh là 748 tỷ đồng. Năm 2008, vốn điều lệ được tăng lên 600 tỷ đồng, lượng vốn tài trợ cho các đơn vị thành viên Vinacomin là 1.200 tỷ đồng. Năm 2009, vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.000 tỷ đồng, mức vốn tài trợ cho các thành viên Vinacomin trong năm là 1.640 tỷ đồng [7]. Số vốn điều lệ này được tiếp tục giữ vững cho đến thời điểm hiện nay. Tuy còn non trẻ, lại được thành lập trong bối cảnh tài chính tiền tệ trong nước, quốc tế có biến động không tốt, song Công ty cũng đạt được những kết quả đáng kể trong hoạt động cung cấp DVTC. Kể từ khi thành lập đến năm 2011, doanh thu và lợi nhuận từ cung cấp DVTC đều năm sau cao hơn năm trước, doanh thu năm 2010, 2011 đều đạt trên 500 tỷ VND. Riêng năm 2012, do khó khăn chung của nền kinh tế nên doanh thu có giảm và chỉ đạt 403,9 tỷ VND, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu vẫn đạt 28,4 %, đây vẫn là con số khá tốt so với các tổ chức hoạt động tín dụng tại cùng thời điểm này (Bảng 1, [6], [7]).

Bảng 1. Doanh thu, lợi nhuận từ cung cấp DVTC tại CMF giai đoạn 2007-2012. ĐVT: Tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011	2012
1	Doanh thu	Tỷđ	50	234	327,7	524,1	587,6	403,9
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷđ	11	105	82,5	90,7	212,9	114,8

Về hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính, tuy chưa thật sự phong phú và chưa cung cấp hết các dịch vụ tài chính theo đăng ký kinh doanh song cũng đã đạt được những thành tựu nhất định cả về số lượng và chất lượng dịch vụ cung cấp.

Về số lượng, với các sản phẩm dịch vụ tài chính

tương đối phong phú như nhận tiền gửi trên một năm, cho vay, dịch vụ ngân quỹ, đầu tư chứng khoán và một số hoạt động khác, Công ty đã giúp khách hàng có thể lựa chọn các sản phẩm phù hợp với mình, đồng thời mang lại thu nhập cho Tập đoàn, cụ thể như Bảng 2 [6].

Bảng 2. Một số sản phẩm dịch vụ tài chính CMF cung cấp giai đoạn 2009-2012. ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012
1. Nhận tiền gửi và vay các TCTD khác	2.249	2.154	1.545	283
Tiền gửi của TCTD khác	878	1.604	1.330	233
Vay các TCTD khác	1.371	550	215	50
2. Nhận tiền gửi của KH	0	10	0	51
3. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	1.306	1.751	1.350	1.052
4. Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	1.956	2.162	1.993	232
5. Cho vay khách hàng	2.605	2.806	2.093	2.092
6. Chứng khoán đầu tư	150	150	100	0

Qua Bảng 2 có thể thấy hầu hết các dịch vụ tài chính Công ty cung cấp có xu hướng giảm trong giai đoạn 2009-2012, đặc biệt là năm 2012. Lượng vốn cho vay thường xuyên ở mức trên dưới 4.000 tỷ đồng, tuy nhiên tính đến thời điểm cuối năm 2012 thì lượng vốn tiền gửi, cho vay chỉ còn 2.324 tỷ, giảm gần một nửa so với những năm liền trước, chủ yếu là do tiền gửi, cho vay các TCTD giảm rất mạnh. Lượng vốn Công ty gửi tại và cho vay các TCTD khác giảm cực mạnh từ 1.993 tỷ (tại ngày 31/12/2011) xuống chỉ còn 232 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2012). Nguyên nhân chính ở đây là do năm 2012 nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng rơi vào tình trạng suy giảm do tác động của khủng hoảng kinh tế, dẫn đến nhu cầu huy động vốn của các tổ chức, cá nhân giảm, điều này ảnh hưởng xấu đến việc cung cấp DVTC tại công ty. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh giảm không nhiều vì chênh lệch lãi suất giữa tiền cho vay khách hàng (10÷19%/năm) và lãi phải trả từ tiền gửi của các TCTD (12÷13,5%) là tương đối lớn [6].

Dịch vụ nhận tiền gửi và vay của các TCTD, các khách hàng cũng có những thay đổi đáng kể. Khoản mục này dao động từ 1,5 nghìn tỷ đồng đến hơn 2 nghìn tỷ đồng ở thời điểm cuối các năm 2009-2011, tuy nhiên nó giảm mạnh ở thời điểm 31/12/2012 chỉ còn hơn 300 tỷ (trong đó tiền gửi và

vay của các TCTD là gần 300 tỷ). Tiền gửi và vay các TCTD ở thời điểm 31/12/2009 là 2.249 tỷ đồng, đến thời điểm 31/12/2012 giảm xuống chỉ còn 283 tỷ, giảm 81,7% so với cùng kỳ năm 2011 và giảm 87,4% so với 2009. Nguyên nhân chính ở đây là do thời điểm cuối 2012, nền kinh tế khủng hoảng, nhu cầu vay vốn của các TCTD giảm mạnh dẫn tới việc Công ty cắt giảm khoản tiền vay của các TCTD khác, bên cạnh đó các tổ chức tín dụng trở nên khan hiếm về vốn nên lượng tiền mà các TCTD khác gửi tại Công ty cũng giảm đi đáng kể. Một nguyên nhân nữa là do tại thời điểm này NHNN thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, Công ty lại thực hiện nghiêm túc chỉ đạo về trần lãi suất huy động 14%/năm, trong khi các ngân hàng trên thị trường áp dụng nhiều hình thức cạnh tranh đẩy lãi suất huy động lên cao (khoảng 18÷20%/năm) dẫn đến hoạt động huy động vốn của Công ty gặp rất nhiều khó khăn và có sự suy giảm mạnh.

Về chất lượng dịch vụ tài chính, đối với hoạt động huy động vốn, Công ty vay nhiều nhất của Công ty mẹ TKV, mỗi năm đều trên 1000 tỷ, ngoài ra là vay của các đơn vị trong Tập đoàn TKV, do đó nguồn vốn cung cấp tương đối ổn định. Xét về thời hạn, các khoản vay có xu hướng chuyển dần từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn (tại cuối năm 2010 vay ngắn hạn là 3.786 tỷ VND, cùng thời điểm này

năm 2011 là 1.533 tỷ, năm 2012 giảm xuống chỉ còn 101 tỷ, trong khi vay trung và dài hạn tại cuối năm 2010 là 129 tỷ VND, cùng thời điểm này cuối năm 2011 là 1.362 tỷ VND, năm 2012 là 2.337 tỷ VND) [6]. Xu hướng chuyển dịch này cũng đảm bảo tính ổn định và lâu dài cho nguồn vốn huy động.

Đối với hoạt động cho vay, qua Bảng 3 [6] cho thấy hoạt động cho vay chủ yếu là cho vay khách hàng, chiếm trên 93 % so với tổng dư nợ cho vay ở các năm giai đoạn 2009-2012, còn cho vay TCTD chiếm tỷ trọng nhỏ. Nguyên nhân chính dễ nhận thấy là mức lãi suất theo quy định của NHTW đối

với cho vay khách hàng lớn hơn nhiều so với mức lãi suất cho vay các TCTD. Đặc biệt năm 2012, mức lãi suất cho vay ngắn hạn các TCTD ở mức 13,5 %/năm thì mức cho vay ngắn hạn đối với các khách hàng là tổ chức kinh tế dao động ở mức 16-18 %/năm, mức lãi suất cho vay các tổ chức kinh tế dài hạn lên tới 19 %/năm. Mặc dù lượng tiền cho vay ở 2 năm 2011 và 2012 đều giảm so với 2 năm liền trước, song số tiền cho vay lại tập trung vào cho vay khách hàng với lãi suất khá cao tăng từ 10÷15,5 % (giai đoạn 2009-2010) lên tới 10÷24 % (giai đoạn 2011-2012), điều này hứa hẹn thu được khoản lãi khá lớn so với giai đoạn trước.

Bảng 3. Dư nợ tín dụng tại CMF giai đoạn 2009-2012.

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Cho vay	2.904	2.883	2.093	2.242
Cho vay TCTD cuối kỳ	299	77	0	150
Cho vay khách hàng cuối kỳ	2.605	2.806	2.093	2.092
Cho vay các TCKT, cá nhân trong nước	1.827	2.190	1.798	1.048
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	735	573	261	1.019
Cho vay đồng tài trợ	43	43	34	25
Tỷ trọng cho vay khách hàng/Tổng cho vay (%)	90	97	100	93
Tốc độ gia tăng dư nợ tín dụng (%)		-1	-27	7

Về chất lượng tín dụng, trong những năm gần đây Công ty không có khoản nợ xấu nào cả. Điều này có thể khẳng định chất lượng nợ cho vay khách hàng là tốt. Bảng 4 [6] cho thấy trong năm 2010, khoản cho vay TCTD của Công ty rơi vào tình trạng nợ quá hạn có nguy cơ mất vốn song đến năm 2011 và 2012 Công ty đã có chính sách thu hồi nợ dẫn tới trong 2 năm 2011,2012 khoản cho vay TCTD có chất lượng tốt, không có nợ quá

hạn. Tuy nhiên đến thời điểm cuối năm 2011, 2012 đối với cho vay đối tượng khách hàng là các tổ chức kinh tế đã xuất hiện khoản nợ cần chú ý, đó là các khoản nợ quá hạn từ 11 đến 90 ngày [4]. Tỷ lệ nợ cần chú ý năm 2011 lên tới 39,51 % trong tổng dư nợ tín dụng khách hàng và đã giảm xuống chỉ còn 1,34 % vào năm 2012. Điều này chứng tỏ Công ty đã có chính sách quản lý nợ vay khá tốt.

Bảng 4. Dư nợ tín dụng khách hàng theo chất lượng nợ vay tại CMF giai đoạn 2010 -2012. ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2010			31/12/2011			31/12/2012		
	TCTD	Khách hàng	Tổng	TCTD	Khách hàng	Tổng	TCTD	Khách hàng	Tổng
Tổng dư nợ khách hàng	77	2.806	2.883	0	2.093	2.093	150	2.092	2.242
Nợ đủ tiêu chuẩn		2.806	2.806	0	1.266	1.266	150	2.064	2.214
Nợ cần chú ý			0		827	827		28	28
Nợ dưới tiêu chuẩn			0			0			0
Nợ có khả năng mất vốn	77		77			0			0
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	100	0	2,67	0	39,51	39,51	0	1,34	1,25
Tốc độ tăng trưởng dư nợ				-100	-25,4	-27,4	100	-0,05	7,12

Theo kỳ hạn thì khoản cho vay ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 60 % tổng dư nợ cho vay ở giai đoạn 2010-2012 [6], trong khi lại chưa sử dụng triệt để nguồn vốn được phép cho vay trung và dài hạn để cho vay trung và dài hạn

dẫn đến lãng phí vốn, làm cho chi phí huy động vốn tăng. Điều này chứng tỏ cơ cấu cho vay theo kỳ hạn chưa được hợp lý vì các khoản cho vay ngắn hạn thường được hưởng lãi suất thấp hơn so với các khoản cho vay trung và dài hạn (Bảng 5).

Bảng 5. Tình hình cho vay trung hạn và dài hạn tại CMF giai đoạn 2010-2012

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012
1. Vốn ngắn hạn của Công ty	Tỷ	550	215	50
Vay các TCTD khác	Tỷ	550	215	50
Phát hành GTCG ngắn hạn	Tỷ	0	0	0
2. Nguồn vốn ngắn hạn tối đa được phép cho vay trung và dài hạn (tối đa 30 %*(1))	Tỷ	165	65	15
3. Vốn huy động trung và dài hạn	Tỷ	1.614	1.330	284
Tiền gửi của các TCTD	Tỷ	1.604	1.330	233
Tiền gửi của khách hàng	Tỷ	10	0	51
4. Chênh lệch VTC và phần mua TSCĐ, mua cổ phần	Tỷ	1.174	1.386	1.146
VTC	Tỷ	1.179	1.390	1.149
TSCĐ	Tỷ	2	1	3
Góp vốn mua cổ phần	Tỷ	3	3	0
5. Số vốn được phép cho vay trung và dài hạn ((2)+(3)+(4))	Tỷ	2953	2781	1445
6. Cho vay trung và dài hạn	Tỷ	1097	899	838

Về dịch vụ đầu tư, Công ty chỉ đầu tư vào chứng khoán và giữ đến ngày đáo hạn nên hoạt động này kém sôi nổi. Năm 2010, Công ty này chủ yếu đầu tư vào chứng khoán nợ do TCKT trong nước phát hành (100 tỷ, chiếm 66,7 %), lượng trái phiếu này do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành năm 2009 bằng VND, có thời hạn 2 năm và có mức lãi suất cố định là 10 %/năm, lãi được trả hàng năm.

Bên cạnh đó công ty còn đầu tư vào chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành là Trái phiếu có tài sản đảm bảo do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long phát hành năm 2009 bằng VND, có thời hạn 3 năm và có mức lãi suất năm đầu tiên cố định là 13 %/năm, lãi suất các năm sau bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả sau của bốn ngân hàng (BIDV, Agribank, Vietinbank và Vietcombank) cộng 4,2 %/năm, lãi được trả hàng năm.

Năm 2011, Công ty không đầu tư thêm khoản mục chứng khoán, chứng khoán đầu tư ở năm này là chứng khoán đã mua trong những năm trước chưa đến ngày đáo hạn. Cụ thể lượng chứng khoán đầu tư 100 tỷ ở thời điểm 31/12/2012 là Trái phiếu có tài sản đảm bảo do Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long phát hành năm 2009 bằng VND [6].

Có thể nhận thấy việc cung cấp DVTC của CMF đã thực hiện đúng theo chế độ, chính sách của Nhà nước, các tỷ lệ đảm bảo an toàn và quản trị rủi ro trong giới hạn cho phép, đảm bảo an toàn và hiệu quả theo mục tiêu Tập đoàn đề ra; chất lượng hoạt động tín dụng và nguồn vốn

đã được kiểm soát tốt, không có nợ xấu phát sinh, phục vụ tốt sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên TKV với chi phí vốn thấp.

Đặc biệt, Công ty đã thực hiện các tỷ lệ nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 và Thông tư số 13/2010/TT-NHNN [3]. Đồng thời, Công ty cũng lập dự phòng và trích lập dự phòng đúng theo quy định tại quyết định 493/2005/QĐ-NHNN [4], các tỷ lệ mà Công ty đang thực hiện là khá an toàn đối với Tổ chức tín dụng là Công ty tài chính.

Trong số những thành tựu đạt được, kết quả đáng quan tâm nhất về dịch vụ tài chính tại Công ty là kết quả của hoạt động tín dụng, đã thu xếp, đáp ứng kịp thời nhu cầu về vốn của các đơn vị thành viên TKV. Công ty hoạt động có lãi, nhờ đó bảo toàn và phát triển vốn nhà nước (vốn CSH) từ 1000 tỷ đ lên 1.390 tỷ đ.

3. Những vấn đề đặt ra

Hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính tại Công ty đã đạt được những kết quả khả quan, chất lượng tín dụng tương đối tốt, song thông qua quá trình phân tích còn một số vấn đề cần xem xét trong hoạt động của Công ty trong thời gian tới:

❖ Nâng cao tính cạnh tranh trong cung cấp dịch vụ tài chính: Tuy Công ty đã đạt được những kết quả tương đối tốt, song dịch vụ cung cấp còn mang tính truyền thống, dịch vụ chứa đựng công nghệ cao chưa được sử dụng nhiều. Về quy mô, Công ty mới có một chi nhánh ở

Quảng Ninh song cũng chưa tự chủ trong hoạt động, Công ty chưa tiếp cận được hết các dự án đầu tư do các Công ty con là chủ đầu tư và chưa tham gia được vào các dự án do Công ty mẹ TKV là chủ đầu tư; chưa phát triển hệ thống khách hàng ngoài Tập đoàn và chưa tổ chức bán lẻ.

Trong khi đó, với quyền tự quyết cao, công tác marketing, tuyên truyền quảng bá thương hiệu tốt, các Ngân hàng thương mại hiện nay đã sớm phát triển đa dạng các sản phẩm huy động vốn, tín dụng, dịch vụ bán lẻ cùng với chính sách lãi suất, chính sách khuyến mại, chế độ thu phí được thực thi nhạy bén và linh hoạt theo đối tượng khách hàng.

Do đó để có thể tồn tại và hoạt động tốt, Công ty cần phải chủ động nâng cao tính cạnh tranh trong quá trình cung cấp dịch vụ tài chính cả về số lượng và chất lượng. Trong thời gian tới, Công ty cần chú trọng phát triển theo chiều sâu những sản phẩm dịch vụ đã có thành tích tốt như cho vay các đơn vị trong Tập đoàn, thu xếp vốn, ủy thác cho vay nhằm đảm bảo nguồn vốn của Tập đoàn và các đơn vị thành viên được sinh lời một cách cao nhất và an toàn nhất.

Bên cạnh đó, chú ý phát triển thêm một số dịch vụ mới như thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu công trình cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cùng với cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, có thể phát triển thêm một số sản phẩm cho vay cá nhân (đặc biệt với cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn, những người công ty có thể chủ động nắm bắt được thu nhập) như: cho vay tín chấp, cho vay tiêu dùng, mua nhà, mua ô tô, cho vay trả góp,... Chú trọng triển khai và phát triển một số dịch vụ tư vấn tài chính, trước hết phục vụ các doanh nghiệp trong Tập đoàn như: Tư vấn tài chính dự án, tư vấn quản trị tài chính doanh nghiệp, tư vấn quản trị dòng tiền, Tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn tăng vốn, tư vấn đầu tư, tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp...;

❖ Nâng cao tính chủ động trong việc cung cấp dịch vụ tài chính: nguồn vốn huy động chủ yếu từ Công ty mẹ TKV và các công ty thuộc Tập đoàn, do đó tính chủ động trong việc khai thác nguồn vốn chưa cao. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty nhằm điều tiết vốn giữa các Công ty trong Tập đoàn, vì vậy các khoản cho vay của Công ty chủ yếu là cho vay theo chỉ định, do đó còn nhiều hạn chế, thiếu tính chủ động;

❖ Gia tăng tỷ trọng các khoản cho vay trung và dài hạn: Qua kết quả tính toán ở Bảng 5 cho thấy số vốn cho vay trung và dài hạn hiện tại nhỏ hơn nhiều so với số vốn có thể sử dụng cho vay trung và dài hạn, mặt khác khoản cho vay này có thể làm gia tăng thu nhập cho Công ty vì lãi suất thường cao hơn khoản cho vay ngắn hạn, do đó Công ty có thể cân nhắc gia tăng hợp lý tỷ trọng của các khoản cho vay này;

❖ Theo NĐ 71/2013/NĐ-CP về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ, DNNN bị “cấm cửa” đầu tư ngoài ngành đối với lĩnh vực bất động sản; không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, CTCK, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán, trừ những trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp các DN đã đầu tư vào các lĩnh vực này không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư, phải thoái hết số vốn đã đầu tư...[2]. Quy định này ra đời đã gây khó khăn rất nhiều cho hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính tại các công ty tài chính thuộc TĐKT, trong đó có CMF. Vì vậy, Công ty có thể đề nghị với Tập đoàn nhanh chóng hoàn thành việc chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc hợp nhất Công ty với một NHTM để chủ động hơn và có điều kiện thực hiện sâu, rộng hơn các dịch vụ tài chính, từ đó nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động cung cấp DVTC;

❖ Cải thiện cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực tại Công ty: Tính đến thời điểm cuối năm 2013, tổng số cán bộ công nhân viên tại CMF là 68 người, đặc biệt thiếu nguồn nhân lực quản lý có kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính, kiến thức, kỹ năng cung cấp dịch vụ, kinh nghiệm của các cán bộ trẻ còn hạn chế. Với số lượng và chất lượng cán bộ như vậy thực sự chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu công việc và khả năng cạnh tranh với các tổ chức Tài chính khác trên thị trường. Vì vậy, trong thời gian tới Công ty cần có chính sách thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng và tâm huyết cho cán bộ, đặc biệt là cán bộ trẻ, có chiến lược hình thành đội ngũ chuyên gia cho Công ty, ở một số vị trí chủ chốt có thể mạnh dạn tuyển dụng mới cho phù hợp yêu cầu công việc.

4. Kết luận

Tuy còn non trẻ, nhưng CMF đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong việc cung cấp dịch vụ tài chính, đã làm tốt chức năng thu xếp

vốn trong Tập đoàn, hoạt động tín dụng cũng được thực hiện trôi chảy và đạt kết quả khá tốt cả về số lượng và chất lượng tín dụng, đặc biệt luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Việc giải quyết những vấn đề nêu trên là cần thiết nhằm phát huy những thành tựu này, đồng thời giúp Công ty chủ động đứng vững trên đôi chân của mình để hoạt động thật sự với tư cách là một tổ chức trung gian tài chính trên thị trường. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NĐ79-2002/NĐ-CP, 2002. Nghị định của chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính; NĐ81-2008/NĐ-CP, 2008. Sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ79-2002/NĐ-CP. Thư viện pháp luật.vn.
2. NĐ71-2013/NĐ-CP, 2013. Nghị định của Chính phủ Về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ. Thư viện pháp luật.vn.
3. QĐ 457-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành "Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng"; TT13/2010/TT-NHNN, 2010. Thông ty Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Thư viện pháp luật.vn.
- 4 QĐ 493-2005/QĐ-NHNN, 2005. Quyết định của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD. Thư viện pháp luật.vn.
- 5 Luật gia Vũ Xuân Tiền, 2013. Tập đoàn kinh tế và "lỗ hổng" công ty tài chính, laodong.com.vn.
6. Báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết các năm của Công ty TNHH MTV Than-Khoáng sản VN các năm 2010, 2011, 2012.
7. Trang web của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam <http://www.vinacomin.vn>.

Người biên tập: Võ Trọng Hùng

SUMMARY

Basing on the financial state of Vinacomin Corporation and it's main responsibilities, the paper's author mentions the it's results had achivemented in the field supplying financial services and other problems for it for nest financial period of time.

ỨNG DỤNG THỬ NGHIỆM...

(Tiếp theo trang 77)

loại quặng có nguồn gốc thành tạo và chất lượng khác nhau. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Xuân Phong, Nguyễn Phương, 2006. Bài giảng phương pháp tìm kiếm thăm và dự báo tài nguyên khoáng sản. Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Lâm, Nguyễn Phương, Nguyễn Tiến Dũng, 2006. Địa chất khai thác mỏ. Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.
3. Công ty TNHH Giang Long, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin khu vực Vân Sơn, xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.
4. Công ty cổ phần và thương mại Lộc Phát, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin vùng Đồng Gianh, xã Bình Yên, xã Lương Thiện và xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.
5. Công ty TNHH Phú Hiệp, 2011. Báo cáo thăm dò kaolin-felspat thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, xã Hào Phú, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Lưu trữ Công ty.

Người biên tập: Hồ Sĩ Giao

SUMMARY

The paper introduces some study results of using the standard distributing model for predicting ores and ore resources by different sorts of kaolin in mines in Tuyên Quang province.

THỰC TRẠNG MỎ VIỆT NAM

1. Tranh cãi với một kẻ ngốc sẽ chứng minh rằng có hai kẻ ngốc. *Doris M. Smith.*
2. Nhu cầu cơ bản nhất của con người là nhu cầu thấu hiểu và được thấu hiểu. *Ralph Nichols.*
3. Tôi rất biết ơn tất cả những người đã nói KHÔNG với tôi. Nhờ vậy mà tôi biết cách tự mình giải quyết sự việc. *Einstein.*
8. Kiên trì làm việc tốt sẽ mang lại nhiều thứ. Như mặt trời có thể làm tan băng, lòng tốt có thể làm bốc hơi sự hiểu lầm, hoài nghi và thù địch. *Albert Schweitzer.*

VTH sưu tầm